TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132/2022/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 05 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con khi ly hôn*". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/7/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và hay xảy ra cải vả. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không thể giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh H và chị N đều xét thấy tình cảm thực sự không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 15/4/2014, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 21/11/2019.

Hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Thị Thu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H, chị Nc có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N mỗi người có trách nhiệm nộp 50% lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5].Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N.

- *Về con*: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 15/4/2014, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 21/11/2019.

Hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (cũng là nguyện vọng của cháu Thu P). Giao cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Thị Thu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H, chị N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ:* Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh H, chị N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0009057 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh H, chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Cao Thị Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.